

THÔNG BÁO

Điểm chuẩn và thời gian phúc khảo bài thi trong Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

Thực hiện Quyết định số 1682/QĐ-SGD&ĐT ngày 20/6/2025 của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026, Trường THPT Phạm Văn Đồng thông báo điểm chuẩn và thời gian nhận đơn phúc khảo bài thi như sau:

1. Điểm chuẩn: Có điểm thi tuyển từ **12.35 điểm** trở lên (không có bài thi nào bị điểm dưới 1,0). Số học sinh trúng tuyển: 283 học sinh; tuyển thẳng: 02 học sinh (*Có danh sách kèm theo*).

2. Thời gian nhận đơn phúc khảo bài thi: **Từ ngày 23/6/2025 đến ngày 02/7/2025** (trừ ngày 25, 26, 27/6 vì đang diễn ra Kỳ thi TN THPT năm 2025).

- Đơn phúc khảo: Nhận tại văn phòng nhà trường.

- Lệ phí: 30.000đ/môn.

Nhà trường thông báo đến tất cả học sinh và phụ huynh học sinh được biết và thực hiện./.

Mộ Đức, ngày 21 tháng 6 năm 2025



Nguyễn Văn Sanh

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Tờ trình số: 150/TTr-PVĐ, ngày 20 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Phạm Văn Đồng)

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
1				NGUYỄN ĐÌNH BẢO	Nam	04/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	Khuyết tật
2				HUỲNH THỊ KIM MÃN	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi							Tuyển thẳng	Khuyết tật
3	160154	P07	PVD	BÙI THIÊN NHẬT MINH	Nam	05/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	8.75	9.8		0	27.8	NV1	
4	160029	P02	PVD	LÊ NGUYỄN CHƯƠng	Nam	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	9	9.5		0	27.5	NV1	
5	160053	P03	PVD	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	08/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	9	9.3		0	27.05	NV1	
6	160113	P05	PVD	NGUYỄN NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	18/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	8.25	9.7		0	26.7	NV1	
7	160092	P04	PVD	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	Nam	21/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	8.25	9.4		0	26.65	NV1	
8	160110	P05	PVD	HUỲNH PHƯỚC KHANG	Nam	12/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	8.25	9.4		0	26.65	NV1	
9	160162	P07	PVD	VÕ THỊ TRÀ MY	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	8	9.3		0	26.55	NV1	
10	160135	P06	PVD	ĐOÀN XUÂN LÂM	Nam	05/03/2010	Thành Phố Hồ Chí Minh	9	8.25	9.2		0	26.45	NV1	
11	160301	P13	PVD	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	22/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	8.25	8.8		0	26.3	NV1	
12	160111	P05	PVD	LÊ TRUNG KHANG	Nam	04/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	8.25	9.4		0	25.9	NV1	
13	160108	P05	PVD	THÁI XUÂN KHẢI	Nam	31/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	8.25	9.6		0	25.85	NV1	
14	160210	P09	PVD	TRẦN NHÃ PHƯƠNG	Nữ	07/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	8.25	9.3		0	25.8	NV1	
15	160269	P12	PVD	NGUYỄN CAO HIỀN TRANG	Nữ	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.75	9.3		0	25.55	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
16	160121	P06	PVD	TRẦN PHẠM QUỲNH KHUÊ	Nữ	29/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	7.5	9		0	25.5	NV1	
17	160114	P05	PVD	TRỊNH NGUYỄN GIA KHANG	Nam	02/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.5	9.7		0	25.2	NV1	
18	160129	P06	PVD	VÕ HUỲNH MINH KIẾT	Nam	15/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8.5	8.9		0	25.15	NV1	
19	160259	P11	PVD	NGUYỄN ANH THU	Nữ	23/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	8.25	8.9		0	25.15	NV1	
20	160084	P04	PVD	TRẦN THANH HOÀI	Nữ	20/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	8	8.3		0	25.05	NV1	
21	160090	P04	PVD	NGÔ HỮU HUY	Nam	19/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8	9.3		0	25.05	NV1	
22	160213	P09	PVD	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	31/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	9.7		0	24.95	NV1	
23	160160	P07	PVD	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	13/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	8	7.9		0	24.9	NV1	
24	160039	P02	PVD	TRẦN NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Nam	04/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	8	8.7		0	24.7	NV1	
25	160028	P02	PVD	NGUYỄN TRẦN CHINH	Nam	24/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7.75	9		0	24.5	NV1	
26	160117	P05	PVD	NGÔ VŨ GIA KHIÊM	Nam	19/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8	9.2		0	24.45	NV1	
27	160261	P11	PVD	TRẦN LÊ BẢO THY	Nữ	28/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8.25	8.9		0	24.4	NV1	
28	160047	P02	PVD	NGUYỄN SAO ÁNH DƯƠNG	Nữ	08/03/2010	Tỉnh Ninh Thuận	9	7.25	8.1		0	24.35	NV1	
29	160218	P10	PVD	CAO QUÝ	Nam	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7	8.8		0	24.3	NV1	
30	160274	P12	PVD	LÊ HUỲNH TRÂM	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	8.25	8		0	24.25	NV1	
31	160044	P02	PVD	NGUYỄN THỊ KIỀU DUYÊN	Nữ	08/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	8	8.2		0	24.2	NV1	
32	160045	P02	PVD	TRẦN CAO KỶ DUYÊN	Nữ	03/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.5	8.7		0	24.2	NV1	
33	160146	P07	PVD	TRẦN NHƯ HOÀNG LỊNH	Nam	17/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	8.25	9.2		0	24.2	NV1	
34	160307	P14	PVD	BÙI TÂY VƯƠNG	Nam	05/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.5	8.2		0	24.2	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
35	160050	P03	PVD	HUỖNH GIA ĐẠY	Nam	30/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	8.25	7.4		0	24.15	NV1	
36	160253	P11	PVD	NGUYỄN PHẠM VĂN THIÊN	Nam	29/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8	8.4		0	24.15	NV1	
37	160049	P03	PVD	TRẦN TRINH THỦY DƯƠNG	Nữ	15/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	6.75	8.1		0	24.1	NV1	
38	160318	P14	PVD	PHẠM THỊ NHƯ Ý	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Đắk Lắk	8.75	6.75	8.6		0	24.1	NV1	
39	160071	P03	PVD	BẠCH THÚY HẰNG	Nữ	17/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	8.5		1	24	NV1	
40	160120	P05	PVD	TRẦN ANH KHÔI	Nam	23/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.75	9.1		0	23.85	NV1	
41	160133	P06	PVD	NGUYỄN ĐỨC LÃM	Nam	19/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.25	9.3		0	23.8	NV1	
42	160243	P11	PVD	HUỖNH PHƯƠNG THANH	Nữ	24/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.5	9		0	23.75	NV1	
43	160317	P14	PVD	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	08/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.5	9.5		0.5	23.75	NV1	
44	160223	P10	PVD	ĐỖ NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	Nữ	21/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.25	9.2		0	23.7	NV1	
45	160142	P06	PVD	NGUYỄN TRẦN HÀ LINH	Nữ	11/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.25	7.9		0	23.65	NV1	
46	160015	P01	PVD	NGUYỄN LÊ NHƯ BẢO	Nam	10/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	8.25	7.1		0	23.6	NV1	
47	160043	P02	PVD	TRẦN VÕ NHẤT DUY	Nam	05/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.75	9.3		0	23.55	NV1	
48	160209	P09	PVD	TRẦN NGỌC THANH PHƯƠNG	Nữ	23/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8	7.8		0	23.55	NV1	
49	160052	P03	PVD	NGUYỄN KHÁNH ĐẠT	Nam	19/06/2010	Thành phố Đà Nẵng	8.25	6.75	8.5		0	23.5	NV1	
50	160027	P02	PVD	TRẦN THỊ NHƯ CHÍ	Nữ	22/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.5	7.9		0	23.4	NV1	
51	160124	P06	PVD	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	14/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.5	7.4		0	23.4	NV1	
52	160022	P01	PVD	LÊ TRẦN BẢO CHÂU	Nữ	30/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8	7.6		0	23.35	NV1	
53	160140	P06	PVD	NGUYỄN THỊ VIỆT LINH	Nữ	27/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	6.5	8.1		0	23.35	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
54	160172	P08	PVD	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	03/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7.25	8.6		0	23.35	NV1	
55	160103	P05	PVD	PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	11/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.75	8.8		0	23.3	NV1	
56	160068	P03	PVD	LÊ HOÀNG HẢO	Nam	05/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	8.25	7.5		0	23.25	NV1	
57	160099	P05	PVD	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	28/09/2010	Thành phố Đà Nẵng	8.25	7.5	7.5		0	23.25	NV1	
58	160216	P09	PVD	LƯƠNG MINH QUỐC	Nam	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8.25	7.7		0	23.2	NV1	
59	160132	P06	PVD	NGUYỄN PHẠM QUỲNH LAM	Nữ	20/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	6.25	7.9		0	23.15	NV1	
60	160278	P12	PVD	TRẦN NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	09/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.25	7.9		0	23.15	NV1	
61	160109	P05	PVD	BÙI BẢO KHANG	Nam	13/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.75	9.3		0	23.05	NV1	
62	160166	P07	PVD	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH NGÀ	Nữ	15/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.75	8.3		0	23.05	NV1	
63	160104	P05	PVD	PHAN VĂN HƯỚNG	Nam	24/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	8.5		0	23	NV1	
64	160125	P06	PVD	BÙI ANH KIỆT	Nam	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8.25	7.5		0	23	NV1	
65	160089	P04	PVD	BÙI NGUYỄN QUANG HUY	Nam	01/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	6.5	7.7		0	22.95	NV1	
66	160036	P02	PVD	VÕ NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	11/09/2010	Thành Phố Đà Nẵng	7.75	7.75	6.9		0.5	22.9	NV1	
67	160094	P04	PVD	NGUYỄN VĂN GIA HUY	Nam	22/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.75	7.9		0	22.9	NV1	
68	160246	P11	PVD	ĐOÀN THỊ XUÂN THẢO	Nữ	02/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.75	8.9		0	22.9	NV1	
69	160219	P10	PVD	NGUYỄN LÊ NGỌC QUYÊN	Nữ	08/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	7.6		0	22.85	NV1	
70	160238	P10	PVD	TRƯƠNG CÔNG BẢO SƠN	Nam	23/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.75	8.1		0	22.85	NV1	
71	160061	P03	PVD	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	11/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	6.25	7.3		0	22.8	NV1	
72	160293	P13	PVD	VÕ DUY TRƯỜNG	Nam	12/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	8.3		0	22.8	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
73	160264	P11	PVD	PHẠM CAO TIẾN	Nam	19/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	5.25	9.2		0	22.7	NV1	
74	160158	P07	PVD	NGUYỄN NHƯ HÀ MY	Nữ	01/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.75	8.9		0	22.65	NV1	
75	160200	P09	PVD	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	15/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.75	7.6		0	22.6	NV1	
76	160128	P06	PVD	NGUYỄN HUỲNH ANH KIẾT	Nam	13/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.5	7.8		0	22.55	NV1	
77	160304	P14	PVD	LÊ PHAN KHÔI VĨ	Nam	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7	8.3		0	22.55	NV1	
78	160062	P03	PVD	TRẦN THỊ LAM GIANG	Nữ	05/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7.25	7.5		0	22.5	NV1	
79	160169	P08	PVD	TRẦN KHÁNH NGÂN	Nữ	09/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.25	9		0	22.5	NV1	
80	160005	P01	PVD	NGUYỄN TÂM ANH	Nữ	24/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.5	8.7		0	22.45	NV1	
81	160145	P07	PVD	NGUYỄN THANH LĨNH	Nam	29/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.5	8.1		0	22.35	NV1	
82	160178	P08	PVD	LƯƠNG MINH NHẬT	Nam	27/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	8.25	8.6		0	22.35	NV1	
83	160282	P12	PVD	ĐỖ HẢI TRIỀU	Nam	21/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.5	8.1		0	22.35	NV1	
84	160204	P09	PVD	HỒ NGUYỄN KIỀU PHÚC	Nữ	03/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.5	7.8		0	22.3	NV1	
85	160235	P10	PVD	BÙI THANH SƠN	Nam	30/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	8.2		0	22.2	NV1	
86	160196	P09	PVD	LÊ HUỲNH TIẾN PHÁP	Nam	07/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	6.9		0	22.15	NV1	
87	160072	P03	PVD	CAO LÊ THANH HẰNG	Nữ	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.5	7.6		0	22.1	NV1	
88	160161	P07	PVD	PHẠM THỊ NGỌC MY	Nữ	13/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.5	6.6		0	22.1	NV1	
89	160018	P01	PVD	TRẦN VĂN BẮC	Nam	15/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	8.25	7.3		0	22.05	NV1	
90	160130	P06	PVD	TRẦN NHƯ NỮ ANH KIỀU	Nữ	24/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7	7.3		0	22.05	NV1	
91	160152	P07	PVD	TRỊNH NGUYỄN NHẬT MAI	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	5.5	7.3		0	22.05	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
92	160258	P11	PVD	BÙI VÕ HƯƠNG THÙY	Nữ	25/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	5.75	7.8		0	22.05	NV1	
93	160275	P12	PVD	TRỊNH THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	11/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	5.75	7.3		0	22.05	NV1	
94	160040	P02	PVD	PHẠM NGỌC DUY	Nam	01/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6	8.5		0	22	NV1	
95	160025	P02	PVD	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	29/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	6.25	6.9		0	21.9	NV1	
96	160134	P06	PVD	THÂN HOÀNG PHƯƠNG LAN	Nữ	25/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.75	8.1		0.5	21.85	NV1	
97	160097	P05	PVD	NGUYỄN KIM THANH HUYỀN	Nữ	23/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.75	7.8		0	21.8	NV1	
98	160217	P10	PVD	NGUYỄN NHẬT TUẤN QUỐC	Nam	15/03/2010	Tỉnh Gia Lai	8	7	6.7		0	21.7	NV1	
99	160095	P04	PVD	NGUYỄN THỊ HOÀNG HUYỀN	Nữ	02/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.75	6.6		0	21.6	NV1	
100	160170	P08	PVD	PHẠM HỮU NGHĨA	Nam	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	7		0	21.5	NV1	
101	160174	P08	PVD	PHẠM THẢO NGUYỄN	Nữ	30/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	6.25	6.7		0	21.45	NV1	
102	160023	P01	PVD	LÊ PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.75	6.6		0	21.35	NV1	
103	160054	P03	PVD	PHẠM TUẤN ĐẠT	Nam	21/10/2010	TP Hồ Chí Minh	7.25	5.5	8.6		0	21.35	NV1	
104	160139	P06	PVD	BÙI TRÚC LINH	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Đắk Lắk	8	6.75	6.6		0	21.35	NV1	
105	160267	P12	PVD	LÊ TRƯỜNG TOÀN	Nam	27/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7.25	6.6		0	21.35	NV1	
106	160305	P14	PVD	LÊ VỊNH	Nam	15/04/2010	Tỉnh Gia Lai	8.25	6.75	6.3		0	21.3	NV1	
107	160185	P08	PVD	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	01/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	6.25	6.5		0	21.25	NV1	
108	160263	P11	PVD	HUỲNH QUỐC TIẾN	Nam	30/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	7	7.5		0	21.25	NV1	
109	160011	P01	PVD	HUỲNH GIA BẢO	Nam	17/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.25	8.2		0	21.2	NV1	
110	160212	P09	PVD	LÊ MẠNH QUÂN	Nam	20/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.75	8.2		0	21.2	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
111	160279	P12	PVD	CAO MINH TRÍ	Nam	01/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.5	6.7		0	21.2	NV1	
112	160286	P12	PVD	HUỖNH THANH TRÚC	Nữ	01/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.5	7.7		0	21.2	NV1	
113	160144	P06	PVD	TRƯƠNG VÕ TRÚC LINH	Nữ	25/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	4.5	8.9		0	21.15	NV1	
114	160175	P08	PVD	PHẠM NGUYỄN	Nam	07/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.5	6.9		0	21.15	NV1	
115	160256	P11	PVD	LÊ THỊ HỒNG THIÊN	Nữ	29/04/2010	Tỉnh Đắk Lắk	7.75	6	6.9		0.5	21.15	NV1	
116	160276	P12	PVD	HỒ NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7	6.9		0	21.15	NV1	
117	160020	P01	PVD	TRẦN LÊ KHÁNH BĂNG	Nữ	15/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	7.5	7.1		0	21.1	NV1	
118	160021	P01	PVD	LÊ PHẠM MINH CHÂU	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.25	8.1		0	21.1	NV1	
119	160207	P09	PVD	HUỖNH CÔNG PHỤNG	Nam	11/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.75	7.6		0	21.1	NV1	
120	160064	P03	PVD	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỆT HẠ	Nữ	23/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6	8.3		0	21.05	NV1	
121	160189	P08	PVD	NGUYỄN TRẦN QUỲNH NHƯ	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.75	6.5		0	21	NV1	
122	160222	P10	PVD	ĐẶNG VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	21/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.25	6.5		0	21	NV1	
123	160202	P09	PVD	TRƯƠNG QUANG PHÁT	Nam	04/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.5	7.4		0	20.9	NV1	
124	160290	P13	PVD	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	Nam	13/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.75	5.9		0	20.9	NV1	
125	160038	P02	PVD	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	4.75	8.3		0	20.8	NV1	
126	160122	P06	PVD	CAO THÀNH KIÊN	Nam	25/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.25	6.2		0	20.7	NV1	
127	160141	P06	PVD	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	Nữ	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	6.1		0	20.6	NV1	
128	160179	P08	PVD	NGUYỄN CAO DUY NHẬT	Nam	10/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	6.5	8.8		0	20.55	NV1	
129	160295	P13	PVD	LÊ HOÀNG ANH TUẤN	Nam	09/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.25	7.3		0	20.55	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
130	160026	P02	PVD	TRẦN BẢO CHI	Nữ	21/09/2010	Tỉnh Bình Dương	6.75	6	7.7		0	20.45	NV1	
131	160067	P03	PVD	TRẦN GIA HÀO	Nam	19/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7	7.2		0	20.45	NV1	
132	160046	P02	PVD	VŨ THÙY DUYÊN	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.75	5.4		0	20.4	NV1	
133	160115	P05	PVD	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6	7.9		0	20.4	NV1	
134	160199	P09	PVD	NGUYỄN MINH PHÁT	Nam	09/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.25	7.4		0	20.4	NV1	
135	160081	P04	PVD	VŨ TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	23/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.75	5.8		0	20.3	NV1	
136	160155	P07	PVD	NGUYỄN MINH	Nam	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.25	8.3		0	20.3	NV1	
137	160083	P04	PVD	TRẦN KIM HOA	Nữ	30/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.25	6		0	20.25	NV1	
138	160184	P08	PVD	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	13/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	5.25	6.5		0	20.25	NV1	
139	160262	P11	PVD	TRẦN NGỌC KHÁNH TIÊN	Nữ	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.75	7.5		0	20.25	NV1	
140	160247	P11	PVD	LÊ HỒNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5	7.2		0	20.2	NV1	
141	160082	P04	PVD	TRẦN KIM HIẾU	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.5	6.4		0	20.15	NV1	
142	160280	P12	PVD	ĐOÀN ĐỨC TRÍ	Nam	26/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7	6.9		0	20.15	NV1	
143	160105	P05	PVD	HUỲNH NGỌC BẢO KHA	Nam	26/01/2010	TP Hồ Chí Minh	5	6	9.1		0	20.1	NV1	
144	160281	P12	PVD	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	23/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.5	6.6		0	20.1	NV1	
145	160119	P05	PVD	TRẦN NGUYỄN ANH KHOA	Nam	18/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.25	6.8		0	20.05	NV1	
146	160244	P11	PVD	NGUYỄN QUỐC THANH	Nam	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.75	7.3		0	20.05	NV1	
147	160149	P07	PVD	NGUYỄN HOÀNG LY	Nam	10/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.5	5.5		0	20	NV1	
148	160248	P11	PVD	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.5	6.5		0	20	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
149	160237	P10	PVD	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	22/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5.75	7.9		0	19.9	NV1	
150	160069	P03	PVD	PHẠM NGỌC HẢO	Nam	08/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4	8.3		0	19.8	NV1	
151	160211	P09	PVD	LÊ VŨ NHẬT QUANG	Nam	28/05/2010	Tỉnh Bình Định	6.25	5.75	7.8		0	19.8	NV1	
152	160017	P01	PVD	TRẦN PHAN QUỐC BẢO	Nam	09/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.25	5.4		0	19.65	NV1	
153	160156	P07	PVD	NGUYỄN VÕ HOÀN MINH	Nam	04/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.5	6.4		0	19.65	NV1	
154	160056	P03	PVD	NGUYỄN PHÁT ĐIỀN	Nam	29/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	6	8.1		0	19.6	NV1	
155	160126	P06	PVD	NGUYỄN ĐỨC KIẾT	Nam	08/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6	7		0	19.5	NV1	
156	160164	P07	PVD	TRƯƠNG QUANG MỸ	Nam	02/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	6	8		0	19.5	NV1	
157	160236	P10	PVD	PHAN HOÀNG SƠN	Nam	07/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	4.75	7.7		0	19.45	NV1	
158	160291	P13	PVD	NGUYỄN VĂN THIÊN TRƯỜNG	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.75	6.7		0	19.45	NV1	
159	160077	P04	PVD	PHAN HOÀNG GIA HÂN	Nữ	07/07/2010	Tỉnh Quảng Trị	7.75	6.25	5.4		0	19.4	NV1	
160	160215	P09	PVD	BÙI ÁI QUỐC	Nam	25/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	6.75	7.9		0	19.4	NV1	
161	160057	P03	PVD	VÕ THỊ HỒNG DIỆP	Nữ	25/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	5.5	5.1		0	19.35	NV1	
162	160257	P11	PVD	HUỲNH PHÚC THỊNH	Nam	05/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.5	6.6		0	19.35	NV1	
163	160285	P12	PVD	CAO VĂN TRÌNH	Nam	12/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	7	8.3		0	19.3	NV1	
164	160315	P14	PVD	TRƯƠNG MỸ XUYỀN	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.25	6.5		0	19.25	NV1	
165	160085	P04	PVD	NGUYỄN LÊ HOÀNG	Nam	19/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.5	5.9		0	19.15	NV1	
166	160283	P12	PVD	VÕ TRẦN TÂN TRIỀU	Nam	05/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	7.5	5.9		0	19.15	NV1	
167	160003	P01	PVD	NGUYỄN ĐỖ BẢO ANH	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.5	5.6		0.5	19.1	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
168	160224	P10	PVD	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	15/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.25	4.6		0	19.1	NV1	
169	160107	P05	PVD	TRẦN NGUYỄN HỮU KHA	Nam	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	5.5	5.8		0	19.05	NV1	
170	160284	P12	PVD	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	Nam	27/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6.25	6.3		0	19.05	NV1	
171	160004	P01	PVD	NGUYỄN NỮ HOÀNG ANH	Nữ	30/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.5	6.5		0	19	NV1	
172	160239	P10	PVD	TRỊNH MINH SỰ	Nam	23/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	7	5.5		0	19	NV1	
173	160298	P13	PVD	LƯU THỊ THANH TUYỀN	Nữ	30/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.25	6.2		0	18.95	NV1	
174	160093	P04	PVD	NGUYỄN PHAN NHẬT HUY	Nam	26/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	7.5	4.9		0	18.9	NV1	
175	160112	P05	PVD	NGUYỄN MẬU KHANG	Nam	01/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.25	7.6		0	18.85	NV1	
176	160173	P08	PVD	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	Nam	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	6	7.6		0	18.85	NV1	
177	160100	P05	PVD	TRẦN NGỌC THANH HUYỀN	Nữ	17/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6	5.8		0	18.8	NV1	
178	160181	P08	PVD	PHẠM TRẦN QUỐC NHẬT	Nam	14/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	7	6.8		0	18.8	NV1	
179	160079	P04	PVD	TRƯƠNG THỊ DIỆU HIỀN	Nữ	08/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	4.25	6.2		0	18.7	NV1	
180	160123	P06	PVD	LÊ PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	4.6		0	18.6	NV1	
181	160031	P02	PVD	HUỲNH TUẤN CƯỜNG	Nam	29/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5.5	6.8		0	18.55	NV1	
182	160042	P02	PVD	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	7.25	5.5		0	18.5	NV1	
183	160230	P10	PVD	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	02/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5	5.5		0	18.5	NV1	
184	160159	P07	PVD	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.75	5.7		0	18.45	NV1	
185	160190	P08	PVD	PHAN LÊ THANH NHƯ	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.5	5.8		0	18.3	NV1	
186	160297	P13	PVD	BÙI THỊ THANH TUYỀN	Nữ	25/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	4.75	5.3		0	18.3	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
187	160314	P14	PVD	NGUYỄN CHÍ VỸ	Nam	01/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.5	6.3		0	18.3	NV1	
188	160051	P03	PVD	ĐỖ ĐẠT	Nam	11/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5	6		0	18.25	NV1	
189	160101	P05	PVD	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	05/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	7.5	7.2		0	18.2	NV1	
190	160203	P09	PVD	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	Nam	22/07/2010	Tỉnh Quảng Nam	8	4.5	5.7		0	18.2	NV1	
191	160310	P14	PVD	NGUYỄN HUỲNH THẢO VY	Nữ	03/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5	5.7		0	18.2	NV1	
192	160019	P01	PVD	NGUYỄN THỊ KHÁNH BĂNG	Nữ	02/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6	5.1		0	18.1	NV1	
193	160303	P13	PVD	PHẠM THỊ BÍCH VÂN	Nữ	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.25	4.6		0	18.1	NV1	
194	160075	P04	PVD	PHAN THANH HẰNG	Nữ	14/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.25	7.8		0	18.05	NV1	
195	160148	P07	PVD	TRẦN THỊ BÍCH LOAN	Nữ	29/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.5	5.3		0	18.05	NV1	
196	160080	P04	PVD	BÙI QUỐC HIỆP	Nam	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	6.25	6		0	18	NV1	
197	160163	P07	PVD	PHẠM NGUYỄN HOÀNG MỸ	Nữ	12/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	6.5	6.2		0	17.95	NV1	
198	160309	P14	PVD	LÊ NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	19/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.25	6.2		0	17.95	NV1	
199	160266	P12	PVD	ĐOÀN VÕ QUÝ TOÀN	Nam	10/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.25	6.9		0	17.9	NV1	
200	160312	P14	PVD	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	15/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.25	4.4		0	17.9	NV1	
201	160136	P06	PVD	CHÂU NGỌC LÂN	Nam	27/09/2010	Tỉnh Đắk Lắk	8	2.5	7.2		0	17.7	NV1	
202	160192	P08	PVD	ĐỖ THỊ TUYẾT NHƯỜNG	Nữ	06/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	3.25	6.9		0	17.65	NV1	
203	160150	P07	PVD	TRỊNH THỊ CẨM LY	Nữ	17/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	7.5	4.6		0	17.6	NV1	
204	160008	P01	PVD	VÕ LÊ MINH ANH	Nữ	16/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	4.25	5.5		0	17.5	NV1	
205	160002	P01	PVD	LÊ HỒNG ANH	Nữ	27/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.75	7.1		0	17.35	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
206	160225	P10	PVD	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6.25	4.6		0	17.35	NV1	
207	160240	P10	PVD	BÙI ĐẠI TÂM	Nam	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	2.75	6.7		0	17.2	NV1	
208	160220	P10	PVD	VÕ MINH QUYỀN	Nam	25/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	5.25	6.5		0	17	NV1	
209	160167	P07	PVD	CAO THỊ KIM NGÂN	Nữ	02/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	5.5	3.6		0	16.85	NV1	
210	160032	P02	PVD	TRẦN NGỌC DANH	Nam	19/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5.5	5.5		0	16.75	NV1	
211	160205	P09	PVD	HUỲNH ĐỨC PHÚC	Nam	01/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.5	6.5		0	16.75	NV1	
212	160234	P10	PVD	NGUYỄN TRẦN NGỌC SANG	Nam	27/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	5.5	7		0	16.75	NV1	
213	160221	P10	PVD	CHÂU BẢO QUỲNH	Nữ	28/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3	6.7		0	16.7	NV1	
214	160273	P12	PVD	ĐOÀN THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	05/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	3.5	5.2		0	16.7	NV1	
215	160007	P01	PVD	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	12/05/2010	Tỉnh Nghệ An	7.75	2	6.9		0	16.65	NV1	
216	160091	P04	PVD	NGUYỄN GIA HUY	Nam	06/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	6	4.9		0	16.65	NV1	
217	160311	P14	PVD	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	Nữ	25/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.75	4.4		0	16.65	NV1	
218	160106	P05	PVD	NGUYỄN LÊ ANH KHA	Nam	09/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.75	5.75	8.1		0	16.6	NV1	
219	160086	P04	PVD	PHẠM NGỌC HOÀNG	Nam	29/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.75	4.3		0	16.55	NV1	
220	160250	P11	PVD	TRẦN NGUYỄN HƯƠNG THẢO	Nữ	18/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4	6.5		0	16.5	NV1	
221	160035	P02	PVD	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	22/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.75	4.2		0	16.45	NV1	
222	160255	P11	PVD	LÊ THỊ DIỆU THIÊN	Nữ	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.5	7.7		0	16.45	NV1	
223	160289	P13	PVD	BÙI QUỐC TRUNG	Nam	01/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6	2.9		1.5	16.4	NV1	
224	160055	P03	PVD	TRẦN HOÀNG ĐẠT	Nam	10/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	1.5	6.6		0	16.35	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
225	160316	P14	PVD	BÙI NGUYỄN ANH Ý	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.75	5.5		0	16.25	NV1	
226	160252	P11	PVD	PHẠM NGỌC ANH THẮNG	Nam	12/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5.75	4.1		0	16.1	NV1	
227	160226	P10	PVD	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5.75	4.5		0	16	NV1	
228	160176	P08	PVD	NGUYỄN THÀNH NHÂN	Nam	15/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	5.75	5.2		0	15.95	NV1	
229	160065	P03	PVD	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI HẢI	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	5.5	7.4		0	15.9	NV1	
230	160138	P06	PVD	VÕ THỊ THÚY LIỄU	Nữ	09/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.25	5.2		0	15.45	NV1	
231	160168	P07	PVD	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	21/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	2	6.2		0	15.45	NV1	
232	160186	P08	PVD	VÕ THỊ YẾN NHI	Nữ	04/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.75	4.4		0	15.4	NV1	
233	160208	P09	PVD	ĐẶNG LÊ HỮU PHƯỚC	Nam	23/12/2010	Tỉnh Quảng Nam	5.25	2.75	7.4		0	15.4	NV1	
234	160151	P07	PVD	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	24/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	2.75	4.6		0	15.35	NV1	
235	160313	P14	PVD	PHẠM THỊ HÀ VY	Nữ	07/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.5	2.3		0	15.3	NV1	
236	160058	P03	PVD	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	Nam	05/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	4.25	5.5		0	15.25	NV1	
237	160242	P11	PVD	NGUYỄN THANH THÁI	Nam	25/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3.25	6		0	15.25	NV1	
238	160287	P12	PVD	HUỲNH THỊ THIÊN TRÚC	Nữ	05/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.5	4.7		0	15.2	NV1	
239	160096	P04	PVD	TRẦN NGUYỄN HẠNH HUYỀN	Nữ	22/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	4.5	5.4		0	15.15	NV1	
240	160180	P08	PVD	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	08/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	7	4.4		0	14.9	NV1	
241	160073	P04	PVD	LÊ PHƯƠNG THU HẰNG	Nữ	21/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4	4.1		0	14.85	NV1	
242	160195	P09	PVD	LÊ TRẦN KIỀU OANH	Nữ	07/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	2.75	4.4		0	14.65	NV1	
243	160098	P05	PVD	NGUYỄN LÊ HUỆ HUYỀN	Nữ	30/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3.25	6.1		0	14.6	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
244	160076	P04	PVD	LÂM ĐÌNH HÂN	Nam	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2.5	5.3		0	14.55	NV1	
245	160127	P06	PVD	NGUYỄN GIA KIẾT	Nam	27/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2.5	6.8		0	14.55	NV1	
246	160014	P01	PVD	NGUYỄN HOÀI BẢO	Nam	26/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	4	6		0	14.5	NV1	
247	160048	P02	PVD	PHẠM NGỌC DƯƠNG	Nam	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.75	4		0	14.5	NV1	
248	160299	P13	PVD	TRẦN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	22/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.5	4.5		0	14.5	NV1	
249	160187	P08	PVD	LÊ THỊ CẨM NHUNG	Nữ	17/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5	2.9		0	14.4	NV1	
250	160006	P01	PVD	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	18/06/2010	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.25	3.5	3.6		0	14.35	NV1	
251	160063	P03	PVD	NGÔ NGỌC HÀ	Nữ	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	3	3.1		0	14.35	NV1	
252	160227	P10	PVD	NGUYỄN THỊ THANH QUỲNH	Nữ	29/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	5.25	4.1		0	14.35	NV1	
253	160214	P09	PVD	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	03/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2.25	6.7		0	14.2	NV1	
254	160137	P06	PVD	PHẠM THỊ NHƯ LIỄU	Nữ	22/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	2.75	5.9		0	14.15	NV1	
255	160143	P06	PVD	NGUYỄN TRẦN VI LINH	Nữ	07/04/2010	Tỉnh Bình Phước	3.75	5	5.4		0	14.15	NV1	
256	160201	P09	PVD	TRẦN TRƯỜNG PHÁT	Nam	07/09/2010	Tỉnh Bình Định	7	3.25	3.8		0	14.05	NV1	
257	160001	P01	PVD	PHẠM NGUYỄN THIÊN AN	Nam	29/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.25	4.4		0	13.9	NV1	
258	160012	P01	PVD	MAI QUỐC BẢO	Nam	18/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.75	2.9		0	13.9	NV1	
259	160233	P10	PVD	NGUYỄN THỊ TUYẾT SANG	Nữ	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	2	4.9		0	13.9	NV1	
260	160118	P05	PVD	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	Nam	08/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4	3.8		0	13.8	NV1	
261	160078	P04	PVD	LƯƠNG NGUYỄN CÔNG HẬU	Nam	04/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3	5.4		0	13.65	NV1	
262	160183	P08	PVD	PHẠM ĐẶNG YẾN NHI	Nữ	15/05/2010	Tỉnh Bình Thuận	6	5.75	1.9		0	13.65	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
263	160024	P01	PVD	LÊ THỊ MỸ CHI	Nữ	10/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	3.75	4.1		0	13.6	NV1	
264	160030	P02	PVD	NGUYỄN PHÚ CÔNG	Nam	12/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	3.25	6.1		0	13.6	NV1	
265	160245	P11	PVD	NGUYỄN THỊ TRÚC THANH	Nữ	17/12/2010	Tỉnh An Giang	7	1.5	5.1		0	13.6	NV1	
266	160074	P04	PVD	PHẠM NGỌC MINH HẰNG	Nữ	03/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3.25	4.2		0	13.45	NV1	
267	160131	P06	PVD	CAO HOÀNG KỶ	Nam	24/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	3.25	6.9		0	13.4	NV1	
268	160171	P08	PVD	NGUYỄN LÂM BẢO NGỌC	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.75	4.3		0	13.3	NV1	
269	160060	P03	PVD	PHẠM NGỌC ĐƯỢC	Nam	31/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	2.25	6		0	13.25	NV1	
270	160191	P08	PVD	TRỊNH CHÂU THỊ TÂM NHƯ	Nữ	27/04/2010	Tỉnh Lâm Đồng	6	2	5.2		0	13.2	NV1	
271	160231	P10	PVD	TRỊNH LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	3.5	5.7		0	13.2	NV1	
272	160102	P05	PVD	PHẠM NGỌC QUỲNH HƯƠNG	Nữ	19/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.5	2.75	7.9		0	13.15	NV1	
273	160300	P13	PVD	NGUYỄN ĐÌNH TỰ	Nam	30/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	4	1.9		0	13.15	NV1	
274	160251	P11	PVD	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Nam	11/03/2010	Thành Phố Hồ Chí Minh	5.5	4.5	3		0	13	NV1	
275	160010	P01	PVD	HUYỀN GIA BẢO	Nam	26/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	4	3.8		0	12.8	NV1	
276	160066	P03	PVD	ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH	Nữ	19/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	3	6.5		0	12.75	NV1	
277	160277	P12	PVD	HUYỀN TRẦN BẢO TRẦN	Nữ	06/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	2	2.5		0	12.75	NV1	
278	160188	P08	PVD	LÊ NGỌC NHƯ	Nữ	10/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	2.5	3.2		0	12.7	NV1	
279	160268	P12	PVD	NGUYỄN VIỆT TOÀN	Nam	12/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	3.7		0	12.7	NV1	
280	160016	P01	PVD	PHẠM GIA BẢO	Nam	18/02/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3	4.4		0	12.65	NV1	
281	160033	P02	PVD	CAO KIỀU DIỄM	Nữ	21/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	3.6		0	12.6	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
282	160272	P12	PVD	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	26/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	1.25	3.7		0	12.45	NV1	
283	160182	P08	PVD	ĐOÀN THỊ YÊN NHI	Nữ	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	2	3.9		0	12.4	NV1	
284	160271	P12	PVD	PHẠM BẢO TRANG	Nữ	21/12/2010	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.75	2	3.6		0	12.35	NV1	
285	090150	P07	LKH	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	13/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8.25	8.9		0	24.9	NV1	Lê Khiết

Danh sách này có: 285 học sinh được đề nghị xét duyệt.

Trong đó: + Tuyển thẳng: 02 học sinh.
+ Nguyện vọng 1: 283 học sinh.
+ Nguyện vọng 2: 00 học sinh

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *Tho*

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2025



Nguyễn Ngọc Thái

Danh sách này có: **285** học sinh trúng tuyển.

Trong đó: + Tuyển thẳng: 02 học sinh
+ Nguyện vọng 1: 283 học sinh.
+ Nguyện vọng 2: 0 học sinh.

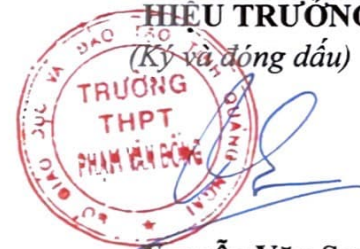
Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2025

Người lập danh sách
(Ký và ghi họ tên)

[Signature]

Lê Thị Kim Huệ

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và đóng dấu)



Nguyễn Văn Sanh